

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh
2. Ông Nguyễn Văn Chiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Bùi Văn C tại Việt Nam: Thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 21/4/2020 nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 12/02/2007. Sau khi kết hôn chị về nhà chồng sinh sống cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó một thời gian vợ chồng hay cãi nhau về kinh tế, đầu năm 2019 anh C đi lao động tại Nhật Bản. Tuy nhiên, khi anh C sang Nhật Bản lao động thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh C không gửi tiền về để chăm lo cho con cái và gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau trên điện thoại, hai bên bất đồng quan điểm sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng, vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, chị có trao đổi với anh C về việc khởi kiện xin ly hôn thì anh C cũng đồng ý, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 03 con chung là cháu Bùi Thị H, sinh năm 2008; Bùi Thị G, sinh năm 2011 và Bùi Ngọc S, sinh năm 2013. Hiện nay cả 3 cháu đều đang ở với ông bà nội, các cháu đều có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội. Do vậy, khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Chị có xin anh C địa chỉ cụ thể của anh C ở Nhật Bản để thuận lợi cho việc chị khởi kiện xin ly hôn. Nhưng anh C không đồng ý cung cấp địa chỉ cho chị biết, nên chị không cung cấp cho Tòa án được. Chị chỉ cung cấp địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là tại: thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Chị đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu bố mẹ đẻ của anh C là ông Bùi Văn T, sinh năm 1962 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1964, cùng trú tại thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của anh C ở Nhật Bản cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh C được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Bùi Văn C.

Bị đơn anh Bùi Văn C hiện đang lao động tại Nhật Bản không có bản tự khai.

Ngày 29/6/2020 và ngày 09/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có biên bản làm việc với bố, mẹ đẻ của anh C là ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị H trú tại: Thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T, bà H thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Trần Thị H và anh Bùi Văn C; yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T, bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở Nhật Bản. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông T, bà H vẫn giữ nguyên quan điểm là anh C ở Nhật Bản, vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh C ở Nhật Bản cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh C, đồng thời ông bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết để anh C gửi lời khai về.

Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh C gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Văn C vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh C là ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Bùi Văn C không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh C; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh C là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn C.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị H.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn C vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố mẹ đẻ của anh C là ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị H để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T, bà H thông báo cho anh C biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa: chị Trần Thị H và anh Bùi Văn C; Yêu cầu anh C viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T, bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh

C ở Nhật Bản. Ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị H trình bày: Anh C vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T, bà H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh C biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Bùi Văn C theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn C, anh C hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 7881/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/6/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an, thì anh C xuất cảnh ngày 29/9/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh C ở Việt Nam là: Thôn G, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Bùi Văn C kết hôn ngày 12/2/2007, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó một thời gian thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau về kinh tế. Đến đầu năm 2019 thì anh C đi lao động ở Nhật Bản, từ khi anh C đi lao động tại Nhật Bản thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường cãi nhau trên điện thoại, hai bên bất đồng về quan điểm sống. Xét tình cảm không còn, không hàn gắn được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh C kết hôn năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, sau đó xảy ra mâu thuẫn về kinh tế. Đến năm 2019 anh C đi xuất khẩu lao động. Do xa cách về địa lý, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau mỗi khi nói chuyện qua điện thoại, anh C không quan tâm đến chị và các con, không gửi tiền về nuôi con. Mâu thuẫn càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, anh C cũng đã được chị H trao đổi về việc khởi kiện xin ly hôn anh và anh cũng đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh C. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Bùi Văn C.

[4]. Về con chung: Chị H và anh C có 03 con chung là cháu Bùi Thị H, sinh năm 2008; cháu Bùi Thị G, sinh năm 2011 và cháu Bùi Ngọc S, sinh năm 2013. Hiện nay cả 3 cháu đều đang ở với ông bà nội, các cháu đều có nguyện vọng ở với

bố và ông bà nội. Do vậy, chị không đề nghị Toà án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn C.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000692 ngày 15/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị H hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Bùi Văn C hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã M, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND Tối cao;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền

